

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HC VIET NAM DEVELOPMENT AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HC VIETNAM CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108121088

3. Ngày thành lập: 09/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

DV-7-LK229 - Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0977904444

Fax:

Email: huucuong020191@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
2.	Chăn nuôi lợn	0145
3.	Chăn nuôi gia cầm	0146
4.	Chăn nuôi khác	0149
5.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
6.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
7.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
8.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
9.	Thu gom rác thải độc hại	3812
10.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
11.	Tái chế phế liệu	3830
12.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
13.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
14.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
15.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
16.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
17.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đầu giá)	4541
18.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
19.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299

21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Quảng cáo	7310
23.	Bán buôn gạo	4631
24.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đầu giá)	4774
25.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
26.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
27.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
28.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lã	4634
29.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
31.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
33.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
34.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
35.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
36.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
37.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
38.	Bán buôn đồ uống	4633
39.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
40.	Trồng lúa	0111
41.	Trồng cây mía	0114
42.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
43.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
44.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
45.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
46.	Sao chép bản ghi các loại	1820
47.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
48.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
49.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
50.	Đại lý du lịch	7911
51.	Điều hành tua du lịch	7912
52.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
53.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551

54.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
55.	In ấn	1811
56.	Bốc xếp hàng hóa	5224
57.	Trồng cây lâu năm khác	0129
58.	Khai thác thủy sản biển	0311
59.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
60.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
61.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
62.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
63.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
64.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
65.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
66.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
67.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
68.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ dầu giá)	4543
69.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
70.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
71.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
72.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
73.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
74.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
75.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
76.	Hoạt động thú y	7500
77.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô; - Cho thuê xe có động cơ khác;	7710
78.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
79.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
80.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
81.	Sản xuất giày dép	1520
82.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
83.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
84.	Phá dỡ	4311

85.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
86.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
87.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế	6920
88.	Trồng cây hàng năm khác	0119
89.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
90.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
91.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
92.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
93.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
94.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
95.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
96.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
97.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
98.	Khai thác gỗ	0221
99.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
100.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
101.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
102.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
103.	Xây dựng công trình công ích	4220
104.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
105.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
106.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
107.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
108.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
109.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
110.	Xây dựng nhà các loại	4100
111.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
112.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
113.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
114.	Lập trình máy vi tính	6201
115.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
116.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
117.	Đại lý, môi giới, đấu giá (Trừ đấu giá)	4610
118.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
119.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đấu giá)	4513

120.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
121.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
122.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
123.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
124.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
125.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
126.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
127.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
128.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
129.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
130.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn thực phẩm; - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau, quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn thực phẩm khác.	4632(Chính)
131.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
132.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
133.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
134.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
135.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
136.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
137.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
138.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
139.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
140.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
141.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
142.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
143.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN HỮU CUÔNG	Khu 2, Xã Yên Khê, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	4.800.000.000	80,000	132048011	
2	TỔNG THỊ THU HƯỜNG	Khu 9, Xã Mạn Lạn, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	1.200.000.000	20,000	132099749	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN HỮU CƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/01/1991

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 132048011

Ngày cấp: 15/03/2007

Nơi cấp: Công an tỉnh Phú Thọ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu 2, Xã Yên Khê, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: DV-7-LK229 - Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội